

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27/8/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hà Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Ninh và ông Nguyễn Hoàng Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Khởi Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXX-ST ngày 14/8/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn L

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh L kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu là hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai luôn bất đồng về quan điểm sống, luôn cãi cọ, xúc phạm nhau, thậm chí anh L đã có hành vi bạo lực với chị. Vì thấy không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh L

Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung là:

1) Trần Thị Mỹ L; sinh ngày: 25/11/1999;

2) Trần Thị Kim L1; sinh ngày: 25/11/2000;

3) Trần Văn L2; sinh ngày: 09/9/2004;

4) Trần Thị Diệu L3; sinh ngày: 07/3/2010;

5) Trần Bảo Đ; sinh ngày: 08/11/2012

Trong đó 03 con đầu đã trưởng thành, trên 18 tuổi, có gia đình riêng và tự lập

02 người con nhỏ đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi 02 con là Trần Thị Diệu L3 và Trần Bảo Đ cho đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh L phải chịu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết, bị đơn anh Trần Văn L trình bày:* Anh thừa nhận việc kết hôn và con chung đúng như chị L đã trình bày, về mâu thuẫn vợ chồng anh thừa nhận hai bên có mâu thuẫn, nhưng không trầm trọng như chị L đã nêu, Anh không đồng ý ly hôn.

Anh không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn anh Trần Văn L không muốn ly hôn, tuy nhiên nếu chị L nhất quyết yêu cầu ly hôn, anh cũng chấp nhận .

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Văn L

Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Thị Diệu L3, sinh ngày 07/3/2010; và Trần Bảo Đăng, sinh ngày 08/11/2012 cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng

Chị L không yêu cầu anh L phải chịu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Lý phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị L yêu cầu ly hôn với anh L, đây là quan hệ về ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

[2]. *Về nội dung yêu cầu xin ly hôn:* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải giữa các bên nhưng anh L đã không tham dự mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án đã lập các biên bản không thể tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa anh L chấp nhận ly hôn nếu chị L nhất quyết ly hôn. Điều đó thể hiện

hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3]. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung nhỏ nhất, nguyện vọng của con chung cũng là được ở cùng với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao 02 con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tránh làm ảnh hưởng, xáo trộn cuộc sống của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Văn L

2. Về con chung: Giao 02 cháu Trần Thị Diệu L; sinh ngày: 07/3/2010 và cháu Trần Bảo Đ; sinh ngày: 08/11/2012 cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ tròn 18 tuổi)

Anh L được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, chị L không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Trong trường hợp một bên lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của bên kia thì người bị vi phạm có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người vi phạm.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005786 ngày 18/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Sắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Hà Ngân